

Bản án số: 109/2024/DS-ST
Ngày: 10-9-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Truyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bích và ông Nguyễn Văn Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ tham gia phiên tòa:
Ông Mai Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1614/2024/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1725/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Tiến S, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã MH, huyện PM, tỉnh BĐ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức N, sinh năm: 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã MH, huyện PM, tỉnh BĐ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2023, các biên bản làm việc tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Phạm Tiến S trình bày:

Do có mối quan hệ bà con, quen biết từ trước nên anh Phạm Tiến S đã cho anh Nguyễn Đức N mượn tiền nhiều lần, với tổng số tiền là 100.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 04/12/2019 anh Phạm Tiến S cho anh Nguyễn Đức N mượn số tiền 50.000.000 đồng. Hai bên thoả thuận mục đích mượn tiền để anh N phát triển

kinh tế và chi tiêu trong gia đình. Anh Nguyễn Đức N viết giấy mượn tiền có xác định thời gian trả nợ vào ngày 04/02/2020 và không xác định về lãi suất.

Ngày 08/12/2020 anh Phạm Tiến S cho anh Nguyễn Đức N mượn số tiền 30.000.000 đồng. Hai bên thoả thuận mục đích mượn tiền để anh N phát triển kinh tế và chi tiêu trong gia đình. Anh Nguyễn Đức N viết giấy mượn tiền có xác định thời gian trả nợ vào ngày 08/02/2020 và không xác định về lãi suất.

Ngày 05/7/2021 anh Phạm Tiến S cho anh Nguyễn Đức N mượn số tiền 20.000.000 đồng. Hai bên thoả thuận mục đích mượn tiền để anh N phát triển kinh tế và chi tiêu trong gia đình. Anh Nguyễn Đức N viết giấy mượn tiền không xác định ngày trả nợ cụ thể và không xác định về lãi suất.

Trong ba giấy mượn tiền ngày 04/12/2019; ngày 08/12/2020 và ngày 05/7/2021, chữ viết trong giấy mượn tiền là chữ viết của anh Nguyễn Đức N. Chữ ký của người mượn tiền là của anh Nguyễn Đức N. Chữ ký của người cho mượn là của anh Phạm Tiến S. Thời điểm anh Phạm Tiến S cho anh Nguyễn Đức N mượn số tiền trên là trước thời điểm anh Nguyễn Đức N lập gia đình. Từ lúc anh N mượn tiền đến nay, đã nhiều lần anh S yêu cầu anh N trả số nợ trên nhưng anh N cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay anh S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh N phải trả lại cho anh S số tiền là 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

* Ý kiến trình bày của bị đơn anh Nguyễn Đức N: Anh Nguyễn Đức N là bị đơn trong vụ án; được Tòa án tiến hành cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án, nhưng anh N vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về việc Tòa án thụ lý vụ án gửi đến Tòa án; cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hoà giải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, tòa án đã xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quan điểm về nội dung vụ án: Căn cứ vào các điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí của Tòa án, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Đức N trả

cho anh Phạm Tiến S số tiền 100.000.000 đồng. Về lãi suất tại phiên tòa anh S không yêu cầu nên không xét. Về án phí: anh N phải chịu theo quy định của luật. Hoàn trả lại cho anh S số tiền tạm ứng án phí mà anh S đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa. Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn anh Nguyễn Đức N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[1.2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Tiến S yêu cầu “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” nên xác định đây là tranh chấp về Dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Người bị kiện có nơi cư trú tại huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên anh Phạm Tiến S đã cho anh Nguyễn Đức N mượn tiền nhiều lần, với tổng số tiền là 100.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 04/12/2019 anh Phạm Tiến S cho anh Nguyễn Đức N mượn số tiền 50.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận mục đích mượn tiền để anh N phát triển kinh tế và chi tiêu trong gia đình. Anh Nguyễn Đức N viết giấy mượn tiền có xác định thời gian trả nợ vào ngày 04/02/2020 và không xác định về lãi suất.

Ngày 08/12/2020 anh Phạm Tiến S cho anh Nguyễn Đức N mượn số tiền 30.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận mục đích mượn tiền để anh N phát triển kinh tế và chi tiêu trong gia đình. Anh Nguyễn Đức N viết giấy mượn tiền có xác định thời gian trả nợ vào ngày 08/02/2020 và không xác định về lãi suất.

Ngày 05/7/2021 anh Phạm Tiến S cho anh Nguyễn Đức N mượn số tiền 20.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận mục đích mượn tiền để anh N phát triển kinh tế và chi tiêu trong gia đình. Anh Nguyễn Đức N viết giấy mượn tiền không xác định ngày trả nợ cụ thể và không xác định về lãi suất.

Trong ba giấy mượn tiền ngày 04/12/2019; ngày 08/12/2020 và ngày 05/7/2021, chữ viết trong giấy mượn tiền là chữ viết của anh Nguyễn Đức N. Chữ ký của người mượn tiền là của anh Nguyễn Đức N. Chữ ký của người

cho mượn là của anh Phạm Tiến S. Thời điểm anh Phạm Tiến S cho anh Nguyễn Đức N mượn số tiền trên là trước thời điểm anh Nguyễn Đức N lập gia đình. Từ lúc anh N mượn tiền đến nay, đã nhiều lần anh S yêu cầu anh N trả số nợ trên nhưng anh N cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay anh S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh N phải trả lại cho anh S số tiền là 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng anh N không có ý kiến gì về việc Tòa án đã thụ lý vụ án và tại phiên tòa anh N vắng mặt, điều này cho thấy anh N từ bỏ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự, nên anh N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thoả thuận giữa các bên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Hiện nay anh N còn nợ anh S số tiền 100.000.000 đồng. Do đó, buộc anh N có nghĩa vụ trả lại cho anh S số tiền 100.000.000 đồng là có cơ sở và đúng theo quy định tại các Điều 463, 466, Điều 469, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015.

[3] *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của tòa án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, Điều 469 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Tiến S.

Buộc anh Nguyễn Đức N trả cho anh Phạm Tiến S số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền đã tuyên ở trên thì phải chịu tiền lãi hàng tháng tương ứng với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức N phải nộp 5.000.0000 (*năm triệu*) đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả lại cho anh Phạm Tiến S 2.500.000 (*hai triệu năm trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp theo Biên lai thu số 0004169 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND H.Phù Mỹ;
- Các đương sự;
- THADS H.Phù Mỹ;
- Lưu VP- HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Truyền